

**I. Thời gian làm bài:** 90 phút

**II. Cấu trúc chung:**

Gồm 2 phần: *Đọc – hiểu* (4,0 điểm) và *Làm văn* (6,0 điểm)

**1. Phần Đọc – hiểu (4,0 điểm):** Gồm 4 câu.

- Ngữ liệu đọc - hiểu: văn bản/ đoạn trích (*ngoài sách giáo khoa*).
- Chú ý một số thể loại trong phạm vi ôn tập: **thơ văn Nguyễn Trãi, truyện hiện đại Việt Nam và nước ngoài, văn bản thông tin** theo ba mức độ: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng.
- Một số kiến thức Tiếng Việt: Sử dụng từ Hán Việt, Biện pháp chêm xen, liệt kê và Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

**2. Phần Làm văn (6,0 điểm):** Gồm 1 câu.

**a) Dạng đề: Yêu cầu viết bài văn nghị luận:**

- Nghị luận về một vấn đề xã hội.
- Nghị luận về một tác phẩm văn học ngoài SGK (đánh giá chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện).

**b) Yêu cầu cần đạt:**

\* Nghị luận về một vấn đề xã hội:

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.
- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.
- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

\* Nghị luận về một tác phẩm văn học ngoài SGK (đánh giá chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện):

- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Nêu được nhận xét khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào, nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao...).
- Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật.
- Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.

**III. Phạm vi ra đề:**

Từ tuần 19 đến tuần 33 học kỳ II

**BÀI 6: NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”**

**1. Văn học trung đại Việt Nam**

- Văn học trung đại Việt Nam hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, trong thời kì phong kiến. Văn học trung đại Việt Nam gồm hai bộ phận: văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm.

- Theo tiến trình văn học, văn học trung đại chia thành 4 giai đoạn

+ Từ thế kỉ X đến hết TK XIV

+ Từ TK XV đến TK XVII

+ Từ TK XVIII đến nửa đầu TK XIX

+ Nửa cuối TK XIX

- Văn học trung đại Việt Nam có liên hệ mật thiết với nguồn mạch văn học dân gian; đồng thời tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo tinh hoa của nhiều nền văn học trong khu vực, đặc biệt là văn học cổ điển Trung Hoa.

- Văn học trung đại Việt Nam luôn gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, thể hiện rõ tinh thần yêu nước và đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo.

- Tính quy phạm được xem là đặc trưng nổi bật nhất trong văn học trung đại

- Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam và ở sáng tác của nhiều tác giả, một số đặc điểm quy phạm đã bị phá vỡ, thể hiện tính dân tộc và ý thức cá tính trong cả nội dung và hình thức nghệ thuật.

**2. Tác giả văn học trung đại Việt Nam**

- Nền văn học trung đại Việt Nam được tạo dựng bởi các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc. Tác giả văn học trung đại Việt Nam hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian của người Việt và tiếp nhận ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo theo xu hướng dân tộc hoá. Nhiều tác giả là anh hùng dân tộc có đóng góp to lớn cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

- Một số tác giả tiêu biểu: Nguyễn Trãi, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến...

**3. Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại**

- Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại có thành tựu rất phong phú, được viết theo nhiều thể văn khác nhau như hịch, cáo, chiếu, biểu thư, trát, luận thuyết, tỵ, bạt,...

- Văn nghị luận thời trung đại thường có bố cục mang tính quy phạm Với các phần đảm nhiệm những chức năng cụ thể, lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố, lập luận chặt chẽ,...

**4. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**

- Văn nghị luận không chỉ thuyết phục người đọc bằng lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén mà còn bằng các yếu tố biểu cảm. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận thể hiện nhiệt huyết của người viết trong việc bày tỏ và bảo vệ quan điểm. Nhờ các yếu tố biểu cảm như cảm xúc, hình ảnh, giọng điệu, không chỉ chủ kiến của người viết được bộc lộ rõ ràng mà khả năng tác động đến người đọc của văn bản nghị luận cũng được gia tăng.

**BÀI 7: QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN**

**1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba**

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc một hình thức tự xưng tương đương. Tùy theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất có thể là nhân vật chính, nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể lại câu chuyện được

nghe từ người khác hay xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện”. Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện), trừ trường hợp ở vai trò tác giả “lộ diện” vận dụng quyền năng “biết hết” của mình.

- Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi chuyện), song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

- Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể. Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc họa bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. Lời của người kể chuyện phân biệt với lời của nhân vật, được hiểu là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật trong hình thức lời nói trực tiếp hay gián tiếp.

- Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học.

## **2. Cảm hứng chủ đạo**

Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận.

# **BÀI 8: THỂ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN**

## **1. Văn bản thông tin**

- Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin. Trong đời sống, có nhiều loại văn bản thông tin khác nhau như: báo cáo, bản tin, thông báo, thư từ, diễn văn, tiểu luận, hướng dẫn,...

- Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực, có thể kiểm chứng được. Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa. Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần giúp cho người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

- Để tăng thêm hiệu quả tác động đối với người đọc, đôi khi văn bản thông tin lồng ghép việc cung cấp thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. Tuy vậy, việc lồng ghép những yếu tố này phải đảm bảo không được làm mất đi tính chính xác, khách quan của văn bản thông tin.

## **2. Bản tin**

- Bản tin là một loại văn bản thông tin. Nội dung của bản tin là các sự kiện cập nhật, có thể thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều người và tạo được sức tác động xã hội. Thông tin trong bản tin cần mang tính xác thực cao. Ngôn ngữ trong bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, để gây ấn tượng mạnh với công chúng, người viết có thể sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ,...

- Tuy bản tin hướng đến việc cung cấp thông tin khách quan nhưng nó vẫn cho phép người viết thể hiện quan điểm của mình đối với hiện tượng, con người, sự kiện được đề cập, với điều kiện sự thể hiện này không làm biến dạng tính chất của những dữ kiện đã đưa ra.
- Để đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin, người đọc cần trả lời các câu hỏi: Tác giả bản tin là ai? Lập trường, thái độ của người viết là gì? Các nhân vật, sự kiện, số liệu, ... trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại lựa chọn cách sắp xếp đó? Những thông tin được cung cấp trong văn bản có thể kiểm chứng được không, có đáng tin cậy không?... Những câu hỏi này sẽ giúp người đọc có thể tiếp nhận thông tin một cách chủ động, tỉnh táo, từ đó xác lập cho mình một quan điểm, cách nhìn nhận đúng đắn về thực tại đời sống.

## **BÀI 9: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG**

### **1. Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin**

Các biểu đồ, sơ đồ giúp các thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ: biểu đồ tròn thể hiện vòng tuần hoàn của các sự vật, hiện tượng, sơ đồ Venn dùng để so sánh, biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển, sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin...

### **2. Bài luận về bản thân**

Những tri thức học được qua sách vở và những trải nghiệm trong cuộc sống không chỉ giúp bạn hiểu biết thêm về con người và thế giới rộng lớn xung quanh, mà còn gợi cho bạn những suy ngẫm về bản thân: bạn là ai, mong muốn, ước mơ, niềm tin, giá trị sống của bạn là gì, đâu là thế mạnh của bạn, với tư cách là một cá nhân, bạn có mối quan hệ như thế nào với người khác, với thế giới tự nhiên, mỗi lựa chọn của bạn có tác động gì tới cuộc sống của chính bạn và của người khác... Những suy nghĩ, quan điểm, kiến giải đó có thể được trình bày dưới dạng một bài luận về bản thân.

Bài luận về bản thân là một loại văn bản nghị luận, thể hiện quan điểm, chủ kiến của người viết, có lập luận chặt chẽ và bằng chứng đáng tin cậy. Tuy nhiên, khác với bài nghị luận thông thường, bài luận về bản thân hướng vào việc tự bày tỏ, tự soi xét và chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ... của chính người viết. Sự chân thành, sâu sắc trong suy ngẫm của người viết là một yếu tố quan trọng nhất làm nên sức hấp dẫn của kiểu văn bản này. Viết một bài luận về bản thân là thực hành việc nhìn lại chính mình, tự ý thức về giá trị của chính mình – điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cuộc sống.

## KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

### 1. Từ Hán Việt

#### a. Đơn vị cấu tạo từ Hán Việt

- Trong tiếng Việt có một khối lượng khá lớn từ Hán Việt (Từ mượn gốc Hán). Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.
- Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để cấu tạo từ ghép. Một số trường hợp (hoa, quả, bút, bảng,...) có lúc có thể dùng độc lập như một từ.
- Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau.

#### b. Từ ghép Hán Việt: 2 loại

- Từ ghép Hán Việt đẳng lập.
- Từ ghép Hán Việt chính phụ.

#### c. Tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt

- Tạo sắc thái tôn kính, tôn trọng.
- Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục ghê sợ.
- Tạo sắc thái cổ, phù hợp với không khí xã hội xa xưa.
- \* Lưu ý: Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

### 2. Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê

#### a. Biện pháp chêm xen

- Khái niệm: Chêm xen là xen một từ, một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ.
- Dấu hiệu nhận biết:
  - + Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi cuối câu.
  - + Được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.

#### b. Biện pháp liệt kê

- Khái niệm: Liệt kê là nêu một chuỗi yếu tố cùng loại nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng cần nhấn mạnh trong câu, trong đoạn của văn bản hoặc hướng tới mục đích tu từ. Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng liệt kê có thể đặt giữa hoặc cuối câu.
- Dấu hiệu nhận biết:
  - + Thành phần liệt kê ở cuối câu thường được đặt sau dấu hai chấm.
  - + Trường hợp liệt kê chưa hết các đối tượng, người ta dùng dấu ba chấm hoặc kí hiệu v.v
- Bên cạnh việc cung cấp thông tin, biện pháp liệt kê còn có tác dụng thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết. Trong những trường hợp như thế, liệt kê có đầy đủ tính chất của một biện pháp tu từ.
- Việc liệt kê nhiều khi không chỉ gói gọn trong một câu mà được triển khai trong nhiều câu của đoạn thơ hoặc đoạn văn.

### 3. Phương tiện phi ngôn ngữ

- Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau:
  - + Số liệu: Cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác.
  - + Các đường nối giữa các hình vẽ: biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin.
  - + Biểu đồ, sơ đồ: giúp trình bày thông tin một cách hệ thống.
  - + Hình ảnh: làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin.
- Tùy theo mục đích sử dụng mà người viết lựa chọn loại phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.

- Các biểu đồ, sơ đồ giúp các thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin.
- + Biểu đồ tròn thể hiện vòng tuần hoàn của các sự vật, hiện tượng.
- + Sơ đồ Venn dùng để so sánh.
- + Biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển.
- + Sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin...

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc đoạn trích:**

Những buổi trưa, tôi rủ Hậu ra bờ sông Cống. Chúng tôi bỏ giày ngồi trên cỏ ẩm, dưới bóng mát của một cây tràm cành lá um tùm. Trước mặt chúng tôi, dãy đồi đất tím loè trong ánh nắng, trời xanh thẳm và sáng như tấm gương. Một vài đám mây trắng thong thả đi ngang trên đỉnh đồi. Chúng tôi nghe ngóng cái yên lặng của buổi trưa, hình như theo dòng nước chói ánh nắng đi xa. Thỉnh thoảng, một bóng cá nổi trong cành lau sậy, lờ dờ lên gần mặt nước như nhìn trộm hai chúng tôi, rồi lại vùng quẫy đuôi chìm mất.

Hậu sung sướng đùa nghịch như một đứa trẻ con. Cô ngồi trên bờ, bỏ thông hai chân xuống khuấy nước. Nước mát và trong, da chân Hậu trắng xanh bên lá cỏ, rồi chúng tôi tìm một cây si ven bờ, trèo lên cành lá trên mặt sông, chụm đầu vào nhau nhìn bóng chúng tôi cùng in xuống nước với trời xanh. Có khi Hậu và tôi cùng ngả mình dưới bóng cây, nằm thiêm thiếp trong cái nắng của buổi trưa. Một con chim ở đâu đến khẽ hót trong bụi, tiếng riu rít như vương vào cành lá, hoà một bản đàn rục rờ để ru hai chúng tôi trong những giấc mộng êm đềm.

Hậu chiếm đoạt hết cả ý nghĩ của tôi. Mỗi khi tôi không muốn nhìn trời mây, cảnh vật, là tôi lại trở lại với nàng. Chúng tôi mang sách ra cùng ngồi đọc ở ngoài vườn, tôi giảng cho Hậu nghe những chuyện đẹp đẽ trong sách và thỉnh thoảng tôi thấy nàng có vẻ mơ màng.

Một buổi sáng, chúng tôi đi sâu vào mấy nương chè bên sườn đồi. Hôm ấy tôi kể nốt cho Hậu một chuyện nàng vẫn thích. Bỗng tôi dừng lại, vì có cảm giác Hậu không nghe tôi nữa. Cô nhìn tôi, yên lặng, đôi môi hơi hé nở trên hàm răng trắng, hai mắt nhưng ướt long lanh. Tôi bỏ quyển sách xuống, nhìn lại Hậu, tự nhiên hồi hộp, yếu mềm trong lòng. Hậu đưa tay nắm lấy tay tôi, lần lên vai rồi kéo tôi lại gần mình. Mái tóc chúng tôi vương vào nhau, tôi thấy trước môi tôi cái miệng xinh thắm của nàng. Chúng tôi lặng lẽ ôm lấy nhau, say sưa trong cái hôn đầu tiên đắm đuối của linh hồn.

(Trích *Nắng trong vườn*, Thạch Lam, NXB Văn học, Hà Nội, tr.24)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2.** Nêu nội dung của đoạn trích trên.

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: *Một vài đám mây trắng thong thả đi ngang trên đỉnh đồi.*

**Câu 4.** Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả được thể hiện trong đoạn trích.

**II. LÀM VĂN (6,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nhằm làm rõ chủ đề và nhân vật của đoạn trích trên.

----- HẾT -----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>4,0</b>
	1	- Ngôi kể thứ nhất. - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng mỗi ý cho 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm.	1,0
	2	Nội dung: - Những lần gặp gỡ, hò hẹn đầy lãng mạn giữa hai nhân vật. - Khung cảnh làng quê đầy bình yên và trong lành, lãng mạn. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý cho 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm.	1,0
	3	- Biện pháp nhân hóa: đi ngang - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình gợi cảm, tạo sự sinh động trong cách miêu tả. + Làm nổi bật vẻ thư thái, chậm rãi của những đám mây, gợi bức tranh làng quê thanh bình. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng mỗi ý cho 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm.	1,0
	4	Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả: Thạch Lam không chú trọng vào lai lịch, xuất thân, hành động nhân vật mà chủ yếu ở những cử chỉ nhỏ, những thay đổi đầy tinh tế trong suy nghĩ và tâm hồn những chàng trai, cô gái mới lớn lần đầu biết yêu. Cả hai nhân vật đều được miêu tả chủ yếu ở thế giới nội tâm hơn là vẻ bề ngoài. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được một phương diện cho 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm.	1,0
	<b>LÀM VĂN:</b> Viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật đoạn trích trên.		<b>6,0</b>
II	<b>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</b>	- Mở bài: Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm, nội dung chính của đoạn trích. - Thân bài: Phân tích nội dung và nghệ thuật để làm rõ chủ đề và nhân vật của đoạn trích. - Kết bài: Đánh giá khái quát về ý nghĩa đoạn trích, mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Bài viết đầy đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài. Mở bài dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề, phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt	1,0

	<p>chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề, phần Kết bài khái quát được vấn đề: 1,0 điểm.</p> <p>- Bài viết đủ 3 phần nhưng chưa được thể hiện đầy đủ như trên, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn: 0,5 điểm.</p> <p>- Chưa tổ chức bài văn thành 3 phần trên (thiếu mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là 1 đoạn văn): 0 điểm.</p>	
<b>2. Lập luận</b>	<p>Bài văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện rõ các ý chính sau:</p> <p>- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm: Thạch Lam (1910-1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, từng có thời gian sống tại phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương. Ông viết văn, làm báo, là thành viên chính của nhóm Tự lực văn đoàn. Văn phong trong sáng, giản dị, chú ý khám phá thế giới nội tâm nhân vật. Đoạn trích được trích từ truyện ngắn “Nắng trong vườn”, một trong những truyện ngắn xuất sắc của Thạch Lam với đề tài tình yêu đầu đời trong sáng, tươi đẹp. Nội dung đoạn trích nói về những cảm nhận của nhân vật “tôi” về Hậu với những rung động đầu đời.</p> <p>- Nêu được nhận xét khái quát về giá trị của đoạn trích: Đoạn trích thể hiện những thay đổi trong suy nghĩ và cảm xúc của đôi nam nữ lần đầu biết yêu, đặc biệt là những cử chỉ và dáng điệu đáng yêu của cô gái qua cái nhìn của nhân vật “tôi”.</p> <p>- Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm: Chủ đề tình yêu đôi lứa đầy trong sáng và tươi mới của những chàng trai cô gái tuổi 15-17 lần đầu biết yêu.</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào, nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao...): Nhân vật Hậu có những cử chỉ đáng yêu, muốn thu hút sự chú ý và dành tình cảm chân thành cho nhân vật “tôi”. Nhân vật “tôi” có những cảm nhận đầy tinh tế và cũng dành sự quý mến cho cô gái. Đặc biệt là ở nụ hôn cuối đoạn trích.</p> <p>- Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật: Chủ đề và nhân vật có mối quan hệ mật thiết với nhau, xây dựng nhân vật giúp làm rõ chủ đề.</p> <p>- Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân: Từ đoạn trích, ta nhận thấy đây là những tình cảm đẹp, cần được nâng niu và trân trọng nó...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Hệ thống luận điểm phù hợp, rõ ràng, toàn diện, sâu sắc và được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>- Hệ thống luận điểm được trình bày theo trình tự hợp lí, logic, có sự liên kết chặt chẽ.</p> <p>- Lí lẽ hợp lí, được trình bày thuyết phục, sâu sắc.</p> <p>- Dẫn chứng xác thực, tiêu biểu, phong phú thể hiện vốn hiểu biết rộng rãi, sâu sắc.</p>	3,0
	<p>- Hệ thống luận điểm tương đối phù hợp, rõ ràng và hầu hết được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>- Hệ thống luận điểm được trình bày theo trình tự tương đối hợp lí, có sự liên kết.</p> <p>- Lí lẽ hợp lí, được trình bày sáng rõ.</p> <p>- Dẫn chứng xác thực phù hợp với luận điểm nhưng chưa phong phú và tiêu biểu.</p>	2,5 – 2,0

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận điểm không rõ ràng hoặc chưa phù hợp, không được nêu rõ bằng lí lẽ và dẫn chứng.</li> <li>- Các luận điểm trình bày không theo trình tự hợp lí.</li> <li>- Lí lẽ sơ sài, chưa rõ ràng.</li> <li>- Dẫn chứng không xác thực, chưa thuyết phục.</li> </ul>	1,5 – 1,0
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu được luận điểm về vấn đề nghị luận.</li> <li>- Hệ thống luận điểm không trình bày theo trình tự nhất định.</li> <li>- Lí lẽ chưa rõ ràng hoặc chưa đưa ra được lí lẽ.</li> <li>- Không đưa ra được dẫn chứng phù hợp với vấn đề nghị luận.</li> </ul>	0
<b>3. Diễn đạt</b>	<p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn từ ngữ phong phú; trong đó có từ hay, biểu cảm; kiểu câu đa dạng, các câu liên kết chặt chẽ. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp: 1,0 điểm.</li> <li>- Vốn từ tương đối phong phú. Không hoặc mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp: 0,5 điểm.</li> <li>- Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp: 0, 25 điểm.</li> <li>- Mắc rất nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp: 0 điểm.</li> </ul>	1,0
<b>4. Trình bày</b>	<p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ; chỉ gạch xóa rất ít: 0,5 điểm.</li> <li>- Chữ viết rõ ràng, trình bày tương đối sạch sẽ; có một số chỗ gạch, xóa: 0,25 điểm.</li> <li>- Chữ viết không rõ ràng, khó đọc; bài văn trình bày chưa sạch sẽ: 0 điểm.</li> </ul>	0,5
<b>5. Sáng tạo</b>	<p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quan điểm hay cách nhìn mới và có chỗ diễn đạt độc đáo, sáng tạo: 0,5 điểm.</li> <li>- Có quan điểm mới hoặc có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo: 0,25 điểm.</li> <li>- Không có cái nhìn mới và không diễn đạt sáng tạo: 0 điểm.</li> </ul>	0,5
<b>TỔNG ĐIỂM: I + II = 10</b>		

**Lưu ý chung:** Trên đây chỉ là những ý cơ bản thí sinh cần đáp ứng; việc cho điểm cụ thể, tổ Ngữ văn có thể thảo luận để thống nhất đáp án, giáo viên cần chú ý kĩ năng làm bài và sự sáng tạo của học sinh, tránh việc đếm ý cho điểm.